

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM TRỰC
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 25/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 16/6/2017

V/v: “Ly hôn giữa

chị N và anh N”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông: Lê Văn Viện

- Ông: Nguyễn Văn Hà

- Thư ký phiên tòa: bà Trịnh Thị Hằng – Thư ký TAND huyện Nam Trực.

Ngày 16 tháng 6 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2017/QĐXX- ST ngày 07 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị N – sinh năm 1978.

Địa chỉ: tổ 6, thôn B, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Trần Văn N – sinh năm 1976.

Địa chỉ: tổ 6, thôn B, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa chị N, anh N có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22 tháng 3 năm 2017 được bổ sung tại bản tự khai ngày 05 tháng 4 năm 2017 và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Phạm Thị N trình bày:

*Về quan hệ hôn nhân:*Chị và anh Trần Văn N đã chung sống với nhau và có 02 con trước khi kết hôn. Ngày 08/12/ 2005 anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N . Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc do hai bên không hợp tính cách nhau, hay cãi vã nhau, anh không quan tâm gì đến vợ con, thậm chí khi chị đẻ con phải về nhà mẹ chị đẻ đẻ, anh không trông nom gì đến chị và các con. Anh chị ly thân đã hai năm nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: anh chị có 03 con chung là Trần Thị Phương A sinh ngày 05/8/1999; Trần Thị Phương U sinh ngày 05/12/2004; Trần Đức T sinh ngày

15/6/2014. Cháu Phương A đã tự lập, cháu Phương U và cháu T đang ở với chị, khi ly hôn chị đề nghị được nuôi cả hai con và yêu cầu anh N góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị theo quy định của pháp luật.

Về tài sản, công nợ: chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn là anh Trần Văn N có bản tự khai ngày 11/4/2017 và tại phiên tòa trình bày thời gian kết hôn của anh chị như chị đã trình bày, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng không chung thủy và không tin nhau, anh chị đã ly thân từ năm 2014 đến nay. Nay chị xin ly hôn anh nhất trí. Về con chung anh chị có 03 con chung như chị đã trình bày. Khi ly hôn anh đề nghị được nuôi cả hai con không yêu cầu chị Phạm Thị N cấp dưỡng nuôi con vì anh làm cơ khí thu nhập mỗi tháng khoảng 5 triệu đồng. Nếu không được nuôi cả hai con thì anh nuôi một con nào cũng được. Về tài sản công nợ anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Nam Trực nhận định:

[1]. Chị phạm Thị N và anh Trần Văn N kết hôn tự nguyện có đăng ký tại Ủy ban nhân dân thị trấn N nên là cuộc hôn nhân hợp pháp. Anh chị chung sống không mấy hòa thuận. Anh chị đã ly thân từ năm 2014 đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị xin ly hôn, anh nhất trí. Xét cuộc hôn nhân khó tồn tại được do mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy chấp nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị.

[2]. Về con chung của anh chị là cháu Trần Thị Phương A sinh 05/8/1999 đã tự lập, trưởng thành không phải nuôi dưỡng. Còn lại cháu T và cháu Phương U, cả anh và chị đều muốn nuôi cả hai con. Tuy nhiên anh bỏ nhà đi đã 2 năm nay không quan tâm đến con, cháu Phương U có nguyện vọng ở với mẹ, xét thấy để chị nuôi cả hai con sẽ đảm bảo tốt hơn cho các cháu vì vậy giao cả hai con cho chị Phạm Thị N nuôi dưỡng. Anh Trần Văn N có trách nhiệm góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị mỗi con là 700.000 đ/tháng kể từ tháng 6/2017 đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Anh Trần Văn N được quyền thăm con chung không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản, công nợ đương sự không yêu cầu, Tòa án không xem xét.

[4]. Về án phí: chị Phạm Thị N phải nộp cả 75.000 đồng án phí ly hôn. Anh Trần Văn N phải nộp 75.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147; Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị N và anh Trần Văn N.

2. Về con chung: giao cho chị Phạm Thị N tiếp tục nuôi hai con chung là Trần Đức T sinh ngày 15/6/2014, Trần Thị Phương U sinh ngày 05/12/2004. Anh Trần Văn N có trách nhiệm góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Phạm Thị N mỗi con mỗi tháng là 700.000 đồng kể từ tháng 6 năm 2017 cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Anh Trần Văn N có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị Phạm Thị N nộp 75.000 đồng án phí ly hôn được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực theo biên lai thu tiền số 07211 ngày 05 tháng 4 năm 2017. Hoàn trả chị phạm Thị N 225.000 đồng tạm ứng án phí còn thừa. Anh Trần Văn N phải nộp 75.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho chị Phạm Thị N, anh Trần Văn N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định: 01 bản;
- VKSND huyện Nam Trực: 02 bản;
- THADS huyện Nam Trực: 01 bản;
- UBND TT N: 01 bản;
- Dương sự: 02 bản;
- Lưu HS: 02 bản;
- Lưu VP: 01 bản.

Phạm Ngọc Quỳnh